

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 4 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10/5/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Trường Đại học Hồng Đức thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021 như sau:

#### 1. Các chuyên ngành và môn thi tuyển:

| TT  | Chuyên ngành              | Mã ngành | Các môn thi                  |                                 |           | Chỉ tiêu   |
|-----|---------------------------|----------|------------------------------|---------------------------------|-----------|------------|
|     |                           |          | Môn không chủ chốt           | Môn chủ chốt                    | Ngoại ngữ |            |
| 1.  | Khoa học cây trồng        | 8620110  | Kỹ thuật SX cây trồng        | Sinh lý thực vật                | Tiếng Anh | 10         |
| 2.  | Toán giải tích            | 8460102  | Đại số                       | Giải tích                       |           | 04         |
| 3.  | Đại số và lý thuyết số    | 8460104  |                              |                                 |           | 06         |
| 4.  | Vật lý chất rắn           | 8440104  | Toán cho Vật lý              | Cơ sở vật lý                    |           | 10         |
| 5.  | Thực vật học              | 8420111  | Di truyền học                | Sinh học đại cương              |           | 07         |
| 6.  | Khoa học máy tính         | 8480101  | Toán rời rạc                 | Cơ sở lập trình                 |           | 15         |
| 7.  | Hóa hữu cơ                | 8440114  | Hóa đại cương                | Cơ sở hóa hữu cơ                |           | 05         |
| 8.  | Kỹ thuật xây dựng         | 8580201  | Vật liệu xây dựng            | Sức bền vật liệu                |           | 08         |
| 9.  | Lý luận và PPDHBM Văn- TV | 8140111  | Ngôn ngữ và Văn học Việt Nam | Lí luận văn học                 |           | 03         |
| 10. | Ngôn ngữ Việt Nam         | 8220102  |                              |                                 |           | 05         |
| 11. | Lịch sử Việt Nam          | 8229013  | Phương pháp luận sử học      | Lịch sử Việt Nam                |           | 10         |
| 12. | Địa lý học                | 8310501  | Địa lý tự nhiên đại cương    | Địa lý kinh tế xã hội đại cương |           | 08         |
| 13. | Kế toán                   | 8340301  | Lý thuyết tài chính tiền tệ  | Nguyên lý kế toán               |           | 38         |
| 14. | <b>Tổng</b>               |          |                              |                                 |           | <b>129</b> |

#### 2. Đối tượng và điều kiện dự thi:

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây:  
Có bằng tốt nghiệp đại học (chính quy hoặc không chính quy; nếu bằng nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành) ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành

đăng ký dự thi, hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi sau khi đã bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương.

### **3. Điều kiện được miễn thi môn ngoại ngữ**

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng Tiếng Anh được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ Tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;

d) Có chứng chỉ tiếng Anh: 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS; chứng chỉ tiếng Anh B2 (Khung Châu Âu) và bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi.

### **4. Chính sách ưu tiên đối với thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.**

#### **4.1. Đối tượng ưu tiên**

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

#### **4.2. Mức ưu tiên**

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định tại mục 3 của thông báo này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi còn lại.

## 5. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt **50% của thang điểm đối với mỗi môn thi** (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi (môn chủ chốt và môn không chủ chốt) của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Trường đại học Hồng Đức, Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học, đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài thì được xét tuyển. Nếu chưa đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 thì phải học dự bị tiếng Việt 01 năm tại Trường đại học Hồng Đức trước khi được xét tuyển.

## 6. Hồ sơ dự thi:

1- Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu),

2- Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp đại học,

3- Bản sao có công chứng bảng điểm đại học, bảng điểm học bổ sung/chuyển đổi (nếu có),

4- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc xác nhận của địa phương,

5- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa,

6- Bản sao có công chứng chứng chỉ ngoại ngữ, bằng đại học ngoại ngữ (nếu có)

7- 2 ảnh 3 x 4 (ghi rõ họ tên, ngày sinh vào mặt sau ảnh),

8- 2 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận,

9- Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên,

10- Giấy xác nhận đồng ý cử đi học của cơ quan chủ quản (nếu có).

**7. Hình thức đào tạo:** Chính quy tập trung 02 năm (24 tháng), riêng chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng : 1,5 năm (18 tháng).

**8. Thời gian thi tuyển sinh:** Dự kiến ngày 24, 25 tháng 7 năm 2021

**9. Thời gian phát hành và tiếp nhận hồ sơ:** từ ngày ra thông báo đến hết ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với thí sinh dự thi là đối tượng có ngành đúng và ngành phù

hợp; phát hành và thu Hồ sơ đăng ký dự thi tại phòng 606, 607 Nhà điều hành - Cơ sở chính (565 Quang Trung 3 - P.Đông Vệ - TP Thanh Hóa).

Thí sinh có nhu cầu ôn tập đăng ký và học tại các khoa đào tạo từ ngày 01 tháng 7 năm 2021. Chuyên ngành: *Ngôn ngữ Việt Nam, Lý luận & PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam, Địa lý học* - Khoa Khoa học Xã hội (0948695858); chuyên ngành *Khoa học cây trồng* - khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp (0945489489); chuyên ngành: *Toán Giải tích, Đại số và lý thuyết số, Thực vật học, Hóa hữu cơ* - khoa Khoa học Tự nhiên (0919721088); chuyên ngành: *Kỹ thuật xây dựng, Vật lý chất rắn* - Khoa Kỹ thuật công nghệ (0948380666), chuyên ngành *Kế toán* - khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh (0913150306); chuyên ngành *Khoa học máy tính* - Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông (0918250012).

**10. Thời gian học bổ sung kiến thức:** Thí sinh theo dõi trên website Nhà trường

**Chi tiết xin liên hệ:** Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Hồng Đức : P.606, P.607 Nhà Điều hành, Cơ sở Chính (565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Điện thoại: 0373.911.679; 0944.873.363; 0919.114.688

Website: [www.hdu.edu.vn](http://www.hdu.edu.vn)

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để BC)
  - Ban giám hiệu (để BC)
  - Các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh;
  - UBND các huyện, các phòng GD&ĐT;
  - Các CQ, DN, trường THPT, THCS;
  - Các đơn vị trong trường;
  - Lưu: VT, QLĐTSDH.
- (phối hợp t.hiện)

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Thị Mai**

## PHỤ LỤC

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các học phần bổ sung kiến thức dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021

| TT | Chuyên ngành Cao học dự tuyển      | Tên ngành Đại học đúng và phù hợp | Ngành gần                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                            |                                 |
|----|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
|    |                                    |                                   | Tên ngành Đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Học phần bổ sung                                                                                                                                           | Số tín chỉ                      |
| 1  | Khoa học cây trồng, Mã số: 8620110 | Có bằng đúng hoặc phù hợp.        | Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học Khoa học cây trồng của trường ĐH Hồng Đức | - Sinh lý thực vật<br>- Di truyền thực vật.<br>- Cây lương thực.<br>- Cây công nghiệp<br>- Cây rau<br>- Hoa và cây cảnh<br>- Bảo quản và chế biến nông sản | 2<br>2<br>2<br>2<br>2<br>2<br>2 |
|    |                                    |                                   | <b>Nhóm ngành 1:</b><br>Nông hoá thổ nhưỡng, Khuyến nông...                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                                 |
|    |                                    |                                   | <b>Nhóm ngành 2:</b><br>Sinh học, Lâm nghiệp....                                                                                                                                                                                                                                                            | - Cây lương thực<br>- Cây công nghiệp<br>- Cây ăn quả<br>- Cây rau quả<br>- Hoa và cây cảnh<br>- Bảo quản và chế biến nông sản                             | 2<br>2<br>2<br>2<br>2<br>2      |
| 2  | Toán giải tích, Mã số: 8460102     | Sư phạm Toán, Cử nhân Toán học    | Toán - Lý, Toán - Tin; Toán - Hóa, Toán - Sinh (Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo                                                                                                                                  | - Phương trình đạo hàm riêng<br>- Hình học xạ ảnh<br>- Hình học vi phân<br>- Đại số đại cương nâng cao<br>- Lý thuyết modun                                | 2<br>2<br>3<br>2<br>2<br>2      |
| 3  | Đại số, Mã số:                     |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                            | 2                               |

|   |                                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                    |
|---|------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
|   | 8460104                                  |                               | đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học SP Toán của trường ĐH Hồng Đức)                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                    |
| 4 | Vật lý<br>chất rắn,<br>Mã số:<br>8440104 | Sư phạm Vật lý,<br>Vật lý     | Sư phạm Lý Hóa, Vật lý ứng dụng...( Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học SP Vật lý của trường ĐH Hồng Đức)                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ lý thuyết</li> <li>- Nhiệt động lực học và Vật lý thống kê</li> <li>- Điện động lực học</li> <li>- Lý thuyết nhóm</li> <li>- Lịch sử Vật lý</li> <li>- Vật lý bán dẫn</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                      | 3<br>4<br>3<br>3<br>3<br>3                                         |
| 5 | Thực vật<br>học,<br>Mã số:<br>8420111    | ĐHSP Sinh học,<br>ĐH Sinh học | ĐH Sinh – KTNN, Công nghệ Sinh học, Sinh – Môi trường, Kỹ thuật sinh y, Sinh học ứng dụng (Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học SP Sinh học của trường ĐH Hồng Đức) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa sinh học</li> <li>- Sinh học tế bào</li> <li>- Vi sinh vật học</li> <li>- Sinh lý người và động vật</li> <li>- Sinh lý học thực vật</li> <li>- Di truyền học</li> <li>- Thực vật học</li> <li>- Động vật không xương sống</li> <li>- Động vật có xương sống</li> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Đa dạng sinh học</li> <li>- Tiến hóa</li> <li>- Sinh học phân tử</li> <li>- Di truyền học quần thể và di truyền học người</li> </ul> | 3<br>2<br>3<br>3<br>3<br>3<br>4<br>3<br>3<br>3<br>2<br>2<br>3<br>3 |

|   |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                     |                            |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 6 | Khoa học máy tính, Công nghệ phần mềm, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Tin học, Công nghệ thông tin, Sư phạm tin học, Kỹ thuật máy tính.<br>Mã số: 8480101 | Khoa học máy tính, Công nghệ phần mềm, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Tin học, Công nghệ thông tin, Sư phạm tin học, Kỹ thuật máy tính. | Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học Công nghệ thông tin của trường ĐH Hồng Đức            | - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật;<br>- Cơ sở dữ liệu<br>- Lập trình hướng đối tượng                                                                 | 3<br>3<br>3                |
|   |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 | <b>Nhóm ngành 1:</b><br>Mạng máy tính và truyền thông, Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ truyền thông.                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                     |                            |
| 7 | Hóa hữu cơ<br>Mã số: 8440114                                                                                                                                      | Cử nhân Hóa học, Sư phạm Hóa học                                                                                                                | <b>Nhóm ngành 2:</b><br>Điện tử viễn thông; Toán – Tin, Vật lý-Tin học, Hệ thống thông tin quản lý, Cơ điện tử, Điều khiển tự động, Toán tin ứng dụng, Tin học Công nghiệp, Sư phạm Kỹ thuật Tin, An toàn thông tin, Công nghệ Kỹ thuật máy tính.                                                                       | - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật;<br>- Cơ sở dữ liệu;<br>- Toán rời rạc;<br>- Lý thuyết đồ thị;<br>- Lập trình hướng đối tượng;<br>- Mạng máy tính. | 3<br>3<br>2<br>2<br>3<br>3 |
|   |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 | Lọc hóa dầu, ĐHSP Lí – Hóa ((Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học SP Hóa học của trường ĐH | - Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ<br>- Hóa phân tích 4<br>- Hóa lý<br>- Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ                                                        | 3<br>2<br>2<br>3           |

|   |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hồng Đức)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                   |             |
|---|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8 | Kỹ thuật xây dựng,<br>Mã số:<br>8580201                           | ĐH Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật công trình xây dựng, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Xây dựng cầu đường, Xây dựng công trình thủy lợi hoặc ngành có chương trình đào tạo khác biệt dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo ngành Đại học kỹ thuật xây dựng của trường Đại học Hồng Đức áp dụng tại thời điểm tuyển sinh | Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học Kỹ thuật xây dựng của trường ĐH Hồng Đức                                                                                              | Căn cứ vào bảng điểm đại học của thí sinh để lựa chọn các học phần bổ sung kiến thức                                                              |             |
| 9 | Lý luận và PP dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt,<br>Mã số:<br>8140111 | Sư phạm Ngữ văn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học SP Ngữ văn của trường ĐH Hồng Đức<br><b>Ngành gần nhóm 1:</b><br>Cử nhân Ngữ văn, Cử nhân Văn học, Cử nhân Văn - Sử, Sư phạm Văn - Sử | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tâm lý học đại cương</li> <li>- Giáo dục học đại cương</li> <li>- Phương pháp dạy học Ngữ văn</li> </ul> | 2<br>2<br>4 |

A

|    |                                           |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                          |                            |
|----|-------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
|    |                                           |                                       | <b>Ngành gần nhóm 2:</b><br>Cử nhân Ngôn ngữ,<br>Cử nhân báo chí, Cử<br>nhân quản lý văn hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Tâm lý học đại<br>cương<br>- Giáo dục học đại<br>cương<br>- Lí luận văn học<br>- Phương pháp dạy<br>học Văn<br>- Phương pháp dạy<br>học Tiếng Việt<br>- Phương pháp dạy<br>học Làm văn | 2<br>2<br>3<br>3<br>3<br>3 |
| 10 | Ngôn ngữ<br>Việt Nam<br>Mã số:<br>8220102 | Sư phạm Ngữ văn,<br>Ngữ văn, Văn học. | Hán Nôm, Báo chí,<br>Ngôn ngữ các dân tộc<br>ít người ở Việt Nam,<br>Văn hóa học (Việt<br>Nam), Tiếng Việt và<br>Văn hóa Việt Nam<br>(Đã tốt nghiệp đại<br>học các ngành thuộc<br>nhóm ngành trong<br>Danh mục giáo dục<br>đào tạo cấp IV hoặc<br>ngành có chương<br>trình đào tạo đại học<br>khác biệt 10%-40%<br>tổng số tiết hoặc đơn<br>vị học trình hoặc tín<br>chỉ của khối kiến<br>thức ngành so với<br>chương trình đào tạo<br>Đại học SP Ngữ Văn<br>của trường ĐH Hồng<br>Đức) | - Ngữ âm tiếng<br>Việt<br>- Từ vựng- Ngữ<br>nghĩa tiếng Việt<br>- Ngữ pháp tiếng Việt<br>- Phong cách học<br>- Ngữ dụng học<br>- Dẫn luận ngôn<br>ngữ                                    | 3<br>3<br>3<br>3<br>3<br>2 |

|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                       |   |
|----|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---|
| 11 | Lịch sử Việt Nam, Mã số: 8229013 | Su phạm Lịch sử, Lịch sử.                                                                                                                                          | Nhân học, Đông phương học, Quốc tế học...(Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học SP Lịch Sử của trường ĐH Hồng Đức) | - Lịch sử Việt Nam cổ trung đại                                       | 3 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Lịch sử Việt Nam cận hiện đại                                       | 3 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Lịch sử thế giới cổ trung đại                                       | 3 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Lịch sử thế giới cận hiện đại                                       | 3 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam                            | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Miền Nam giai đoạn 1954 – 1975 | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Làng xã Việt Nam                                                    | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Đặc điểm quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay   | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Phương pháp luận sử học                                             | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                       |   |
| 12 | Địa lý học, Mã số: 8310501       | Su phạm Địa lý, Cử nhân Địa lý học.                                                                                                                                | Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học SP Địa lý của trường ĐH Hồng Đức                                             | - Địa lí tự nhiên đại cương 1                                         | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Địa lí tự nhiên đại cương 2                                         | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1                                 | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2                                 | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Bản đồ học                                                          | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                       |   |
| 13 | Kế toán Mã số: 8340301           | Kế toán, hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình, tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào | <b>Nhóm ngành 1:</b><br>Tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp quá 10 năm (120 tháng) kể từ ngày ghi trên bằng đại học đến ngày thi tuyển sinh.                                                                                                                                                                                                  | - Kế toán tài chính                                                   | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    | <b>Nhóm ngành 2:</b> Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Kế toán quản trị                                                    | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Nguyên lý kế toán                                                   | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                       |   |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Kế toán tài chính                                                   | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Kế toán quản trị                                                    | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - Nguyên lý kế toán                                                   | 2 |
|    |                                  |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                       |   |

|  |  |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                      |        |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------|
|  |  | tạo ngành ĐH Kế toán của trường ĐH Hồng Đức đang áp dụng tại thời điểm tuyển sinh (Tốt nghiệp trong vòng 10 năm trở lại) | kinh doanh và quản lý trong danh mục giáo dục đào tạo cấp IV hoặc ngành có chương trình đào tạo khác biệt từ 10%-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo ĐH Kế toán của trường ĐH Hồng Đức. | - Kiểm toán căn bản<br>- Kiểm toán báo cáo tài chính | 2<br>2 |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------|

**Ghi chú:** Chương trình đào tạo của ngành gần phải giống nhau hoặc tương đương ít nhất 60% số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành đăng ký dự thi. Các thí sinh dự thi có văn bằng đại học thuộc ngành gần, căn cứ vào bảng điểm để học số học phần bổ sung sao cho số tín chỉ kiến thức ngành đạt tối thiểu 90%.

